

Số: **02**/TB-HĐBT

Thạch Khê, ngày **01** tháng **12** năm 2025

THÔNG BÁO

V/v niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Hạng mục các trục tiêu, Hợp phần hạ du hồ Kẻ Gỗ - Dự án tăng cường khả năng thoát lũ hạ du hồ Kẻ Gỗ, tỉnh Hà Tĩnh (Lần 2)

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Quyết định số 61/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành bảng giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; số 24/2024/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; số 43/2025/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Sửa đổi, bổ sung quy định ban hành kèm theo các Quyết định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 46/2025/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng, cây trồng, vật nuôi để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, GPMB dự án có thông báo niêm yết công khai lần 1 số 01/TB-HĐBT ngày 14/11/2025 về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Hạng mục các trục tiêu, Hợp phần hạ du hồ Kẻ Gỗ - Dự án tăng cường khả năng thoát lũ hạ du hồ Kẻ Gỗ, tỉnh Hà Tĩnh. Hội đồng bồi thường đã nhận được một số phản ánh của nhân dân và tổ chức làm việc lấy ý kiến của nhân dân vào ngày 26/11/2025 tại nhà văn hóa thôn Tân Hương; có bổ sung thay đổi một số nội dung như sau:

Đất đối với hộ ông Nguyễn Quốc Tuấn, thôn Tân Hương, tại thửa số 1168, tờ bản đồ số 12, diện tích 944,8m² thuộc đất UBND xã quản lý.

Đất đối với hộ ông Nguyễn Thanh Long thôn Tân Hương, tại thửa số 1176, tờ bản đồ số 12, diện tích 2732m² thuộc đất UBND xã quản lý.

Đất đối với hộ ông Nguyễn Văn Sơn, thôn Tân Hương, tại thửa số 1174, tờ bản đồ số 12, diện tích 413,3m² thuộc đất UBND xã quản lý.

Đất đối với hộ ông Hồ Văn Hương, thôn Tân Hương, tại thửa số 1167, tờ bản đồ số 12, diện tích 1619,4m² thuộc đất UBND xã quản lý.



Đất đối với hộ bà Bùi Thị Loan, thôn Tân Hương, tại thửa số 1175, tờ bản đồ số 12, diện tích 532,5m² thuộc đất UBND xã quản lý.

Đất đối với hộ ông Trần Văn Thịnh, thôn Vĩnh Tiến, tại thửa số 281, tờ bản đồ số 13, diện tích 1100,8m² thuộc đất UBND xã quản lý.

Đất đối với hộ ông Phan Văn Thủy, thôn Vĩnh Tiến, tại thửa số 296, tờ bản đồ số 13, diện tích 3583,4m² thuộc đất UBND xã quản lý.

Đất đối với hộ ông Trần Văn Cường, thôn Vĩnh Tiến, tại thửa số 65, tờ bản đồ số 29, diện tích 707,3m² thuộc đất UBND xã quản lý.

Đối với các hộ Trương Quốc Quý, Hồ Văn Luyện, đại diện hộ Dương Hào, và một số đề xuất cây đã được giải quyết sau cuộc họp ngày 26/11/2025.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, GPMB phối hợp với UBND xã Thạch Khê tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Hạng mục các trục tiêu, Hợp phần hạ du hồ Kè Gỗ - Dự án tăng cường khả năng thoát lũ hạ du hồ Kè Gỗ, tỉnh Hà Tĩnh (lần 2) như sau:

1. Tổng số phương án niêm yết công khai: 01 phương án (có phương án chi tiết kèm theo);

2. Địa điểm niêm yết công khai:

- Trụ sở UBND xã Thạch Khê, Trung tâm hành chính công.
- Trang thông tin xã Thạch Khê.
- Nhà văn hóa thôn Tân Hương, thôn Vĩnh Tiến, xã Thạch Khê.

3. Thời gian niêm yết công khai: 14 ngày, kể từ ngày 01/12/2025.

Trong thời gian niêm yết công khai, các ý kiến phản ánh, kiến nghị đề nghị gửi về Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, GPMB xã hoặc qua UBND xã Thạch Khê (bằng văn bản) để được xem xét và giải quyết.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị ảnh hưởng; đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan rà soát, đối chiếu phương án bồi thường, hỗ trợ và kịp thời có ý kiến phản ánh trong thời gian niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Chủ tịch MTTQ xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Văn phòng HĐND-UBND xã;
- Phòng Kinh Tế;
- Trung tâm hành chính công;
- Thôn Vĩnh Tiến, Tân Hương;
- Lưu: VT, KT.

**TM. HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG
CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Nguyễn Anh Tuấn**



PHỤ LỤC 01: TỔNG HỢP DỰ TOÁN PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án: Dự án Hạng mục các trục tiêu, Hợp phần hạ du hồ Kẻ Gỗ - Dự án tăng cường khả năng thoát lũ hạ du hồ Kẻ Gỗ, tỉnh Hà Tĩnh

(Kèm theo Thông báo số 09/HĐBT ngày 01/12/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, GPMB xã Thạch Khê)

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ thửa đất (Thôn)	Đất nông nghiệp (CLN, BHK, RSM)				Giá trị hỗ trợ (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
				Đất NN	Tài sản, VKT	Cây cối, hoa màu	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ ổn định sản xuất		
1	Nguyễn Quốc Tuấn	Tân Hương	716.7	36,265,020	3,300,000	4,949,700	108,795,060	6,120,000	2,866,800	162,296,580	
2	Dương Hào Quang	Tân Hương	182.6	9,239,560	-	-	27,718,680	10,710,000	730,400	48,398,640	
3	Nguyễn Văn Châu	Tân Hương	337.9	17,097,740		2,365,300	51,293,220	4,590,000	1,351,600	76,697,860	
4	Nguyễn Văn Long	Tân Hương	869.2	43,981,520	6,600,000	8,917,300	131,944,560	4,590,000	3,476,800	199,510,180	
5	Trương Quốc Bình	Tân Hương	127.1	6,431,260	-	-	19,293,780	6,120,000	508,400	32,353,440	
6	Nguyễn Quang Trung	Tân Hương	332.6	16,829,560		2,328,200	50,488,680	10,710,000	1,330,400	81,686,840	
7	Trần Viết Tàn	Tân Hương	354.3	17,927,580	-	1,750,000	53,782,740	3,060,000	1,417,200	77,937,520	

8	Hồ Văn Hoàn	Tân Hương	269.2	13,621,520		9,100,000	40,864,560	3,060,000	1,076,800	67,722,880	
9	Hồ Văn Hợp	Tân Hương	287.9	14,567,740	-	9,100,000	35,855,160	6,120,000	944,800	66,587,700	
10	Nguyễn Văn Sơn	Tân Hương	345.3	17,472,180	3,300,000	5,812,100	52,416,540	3,060,000	1,381,200	83,442,020	
11	Nguyễn Văn Liên	Tân Hương	368.2	18,630,920	-	1,435,000	55,892,760	4,590,000	1,472,800	82,021,480	
12	Hồ Văn Hương	Tân Hương	-	-	-	2,630,600	-	-	-	2,630,600	
13	Bùi Thị Loan	Tân Hương	-	-		3,094,700	-	-	-	3,094,700	
14	Nguyễn Đình Nông	Tân Hương	519.5	26,286,700		3,636,500	78,860,100	6,120,000	2,078,000	116,981,300	
15	Nguyễn Hữu Toàn	Tân Hương	8.0	404,800		56,000	1,214,400	9,180,000	32,000	10,887,200	
16	Trần Văn Sính	Tân Hương	681.9	34,504,140		3,964,700	103,512,420	3,060,000	2,727,600	147,768,860	
17	Ngô Thị Phúc	Tân Hương	26.3	1,330,780		184,100	3,992,340	1,530,000	105,200	7,142,420	
18	Trương Minh Châu	Tân Hương	285.5	14,446,300		35,000	43,338,900	9,180,000	1,142,000	68,142,200	
19	Trương Quốc Mậu	Tân Hương	68.5	3,466,100		9,016,000	10,398,300	10,710,000	274,000	33,864,400	
20	Phan Công Đình	Tân Hương	57.3	2,899,380		401,100	8,698,140	4,590,000	229,200	16,817,820	
21	Trần Văn Hải	Tân Hương	100.9	5,105,540		-	15,316,620	4,590,000	403,600	25,415,760	
22	Trương Quốc Quý	Tân Hương	-	-		2,030,000	-	-		2,030,000	

23	Trần Văn Minh	Tân Hương	-	-		1,500,000	-	-	-	1,500,000	
24	Trần Xuân Hương	Tân Hương				1,775,000	-	-	-	1,775,000	
25	Dương Thị Tùng	Tân Hương				500,000	-	-	-	500,000	Dương Hào
26	Trần Văn Thông	Tân Hương	-			4,616,000	-	-	-	4,616,000	
27	Hồ Văn Luyện	Tân Hương	-	-		3,796,000	-	-	-	3,796,000	
28	Trương Quốc Việt	Tân Hương	-	-		1,278,200	-	-	-	1,278,200	
29	Trương Xuân Bình	Tân Hương				500,000				500,000	
30	Trần Đăng Thọ	Tân Hương				1,250,000				1,250,000	
31	Trần Văn Trọng	Tân Hương				450,000				450,000	
32	Trương Minh Thiện	Tân Hương				4,000,000				4,000,000	
33	Trần Văn Thê	Tân Hương				1,100,000				1,100,000	
34	Trần Văn Thịnh	Vĩnh Tiến	-	-		37,440,000	-	-	-	37,440,000	
35	Phan Văn Thủy	Vĩnh Tiến	-	-		24,575,000	-	-	-	24,575,000	
36	Trần Văn Cường	Vĩnh Tiến	707.3	-	5,775,000	28,100,000	-	-	-	33,875,000	
37	Trần Đăng Vinh	Vĩnh Tiến				550,000				550,000	
38	Trần Đăng Minh (Đào)	Vĩnh Tiến				750,000				750,000	

39	Trần Đăng Minh (Hương)	Vĩnh Tiến				2,090,000				2,090,000	
40	Trần Đăng Thọ	Tân Hương				1,390,000				1,390,000	
41	Hồ Văn Tư	Tân Hương				1,400,000				1,400,000	
42	Nguyễn Văn Bình	Vĩnh Tiến				11,060,000				11,060,000	
43	Nguyễn Văn Yên	Vĩnh Tiến				19,650,000				19,650,000	
44	Trần Văn Lý	Vĩnh Tiến				5,310,000				5,310,000	
TỔNG			6,646	300,508,340	18,975,000	223,886,500	893,676,960	111,690,000	23,548,800	1,572,285,600	

HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG